

Bản án số: 996/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-11-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Bà Phan Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, phường H, quận T, Thành phố H

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Đường A, khu phố B, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà T, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/6/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H sau thời gian quen biết thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2010, ngày 13/10/2010. Vợ chồng chung sống bình thường cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống, ông H khi nhậu say về thì la chửi, xúc phạm và có hành vi đe dọa tính mạng của bà. Ông bà đã thử hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không

được. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2011. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- bị đơn ông Nguyễn Thanh H: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

- Ông H vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T yêu cầu được ly hôn ông H và ông H cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Về thủ tục tố tụng: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H.

\* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố H cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống; ông H khi say có hành vi la chửi, xúc phạm và có hành vi đe dọa tính mạng của bà. Bà T đã tha thứ, tạo điều kiện cho ông H sửa đổi nhưng ông H không khắc phục được. Từ tháng 6/2020, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H không đến tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 19, 51 và điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà T và ông H.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố H và lời khai của bà T thì có đủ căn cứ xác định bà T và ông H có 01 người con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2011

Xét, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; Ông H dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được ở với bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà T, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh H

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/8/2011 và ông Nguyễn Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh H không còn giá trị pháp lý.

6. Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND nơi cấp chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thúy Quỳnh**